TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2020/HS-ST Ngày 12 – 3 – 2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và ông Phan Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Quỳnh Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Đức T, sinh năm 1998, tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn PV, xã BK, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức H, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, Tiền sự: Ngày 30/10/2017 bị Công an thành phố TH quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi gây thương tích cho người khác, ngày 27/11/2017 bị Công an thành phố TH quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi gây thương tích cho người khác; Nhân thân: Ngày 19/9/2014 bị Công an xã BK xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 28/5/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố TH quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, ngày 20/8/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TH quyết định khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn GS, xã AM, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Minh H, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn PV, xã BK, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/3/2019, Lê Hải D, sinh năm 1991, trú tại thôn PS, xã ANĐ, huyện TA điều khiển xe mô tô hiệu sirius của D không xác định được biển số chở Ngô Đức T đi từ thôn PS, xã ANĐ, huyện TA đến thành phố TH. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến thôn GS, xã AM, huyện TA, T và D phát hiện xe mô tô biển số 78H1-xx của Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977, trú tại thôn GS, xã AM, huyện TA dựng trên đường cơ động, không có người trông coi nên T và D thống nhất lấy trộm xe mô tô đế bán lấy tiền tiêu xài. D đứng cảnh giới, T dùng kéo bằng kim loại mang theo trong người để phá khóa rồi điều khiển xe 78H1-xx chạy về thành phố TH cất giấu tại nhà của T ở thôn PV, xã BK.

Sau đó, T bán xe mô tô 78H1-xx cho Nguyễn Minh H, sinh năm 2000, trú tại khu phố PHx, phường x, thành phố TH với giá 1.000.000 đồng nhưng H mới đưa 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày số 37/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TA kết luận: Xe mô tô biển số 78H1-xx, nhãn hiệu FERROLI, màu nâu trị giá 3.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 17/01/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện TA đã truy tố bị cáo Ngô Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Ngô Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường, về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh H vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Ngô Đức T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Không xem xét

Vật chứng vụ án: Cây kéo bằng kim loại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Lê Hải D sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương nên khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Nguyễn Minh H đã thực hiện hành vi mua tài sản do người khác phạm tội mà có tại thành phố TH nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã chuyển cho Công an thành phố TH để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TA, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TA, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/3/2019 tại thôn GS, xã AM, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Ngô Đức T và Lê Hải D đã có hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 3.200.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như vậy, các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 17/01/2020 truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an trong xã hội. Các bị cáo là những thanh niên có đầy đủ sức khỏe nhưng lười lao động, không lo làm ăn chân chính mà sa vào các tệ nạn xã hội dẫn đến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài.

[3.1] Bị cáo T có hai tiền sự về hành vi gây thương tích cho người khác bị Công an thành phố TH ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng ngày 30/10/2017 và 1.000.000 đồng ngày 27/11/2017; bị cáo có nhân thân xấu, ngày 19/9/2014 đã bị Công an xã BK xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản và ngày 20/9/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH khởi tố về tội Trộm cắp tài sản mà còn vi phạm nên phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về những hành vi của mình đã gây ra cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm

một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm lao động, cải tạo, tu dưỡng đạo đức trở thành người có ích cho xã hội.

[3.2] Bị cáo Lê Hải D sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương nên khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[4] Về phần dân sự:

[4.1] Xe 78H1-xx đã trả lại chủ sở hữu, bị hại Nguyễn Thị Mỹ D không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[4.2] Nguyễn Minh H đã có hành vi mua xe 78H1-xxmặc dù biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã chuyển cho Công an thành phố TH để giải quyết theo thẩm quyền nên tách ra không giải quyết.

[5] Vật chứng vụ án: Kéo bằng kim loại bị cáo T dùng để phá khóa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Đức Tuyển phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Ngô Đức T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Nguyễn Minh H đã có hành vi mua tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An đã chuyển cho Công an thành phố TH để giải quyết theo thẩm quyền nên tách ra không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Ngô Đức T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện TA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an huyện TA;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THA DS huyện TA;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán...,đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6)ghiđầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tênKiểm sát viênthực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày

đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thânghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14)và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họtên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự;nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhâncó liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sựvà những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)